

Bản án số: 48/2020/HS-ST

Ngày: 08/7/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ- TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Hoàng

2. Ông Bùi Thế Hanh

- *Thư ký phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang T hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2020/HSST ngày 19 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40A/2020/QĐXX-HSST ngày 03 tháng 6 năm 2020, đối với các bị cáo :

1. Họ và tên: Nguyễn Bá N - sinh năm 1998;

Nơi cư trú: thôn Tân Định, xã Hoàng Lương, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang;
Nghề nghiệp: thợ mộc; Trình độ văn hóa : 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Bá Phúc; sinh năm 1966 và bà: Nguyễn Thị Mai - sinh 1973; Gia đình có hai chị em bị cáo là con thứ hai; vợ, con: chưa có.

Tiền sự:

- Ngày 20/11/2018, bị Công an huyện Hiệp Hoà xử phạt 750.000đ về hành vi Đánh nhau;

- Ngày 07/12/2020, bị Công an huyện Hiệp Hoà xử phạt 750.000đ về hành vi Đánh nhau;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2020 đến ngày 17/02/2020. Hiện đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa);

2. Họ và tên: Dương Chí D (tên gọi khác: không) – sinh năm 2001

Nơi cư trú: thôn Ngọc Tân, xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang
Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Văn Thủy(đã chết) và bà:

Nguyễn Thị Hậu - sinh 1976; Gia đình có ba anh chị em bị cáo là con thứ ba; vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 16/01/2020 đến ngày 22/01/2020. Hiện đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa);

*** Người bị hại:**

Cháu Phạm Văn T - sinh ngày 06 tháng 4 năm 2003

Người giám hộ cho cháu Phạm Văn T là chị Nguyễn Thị Liên – sinh năm 1976(Là mẹ của cháu T);

(Chị Liên và cháu T vắng mặt tại phiên tòa);

Cùng nơi cư trú: thôn Đông Lỗ, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang;

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị Liên – sinh năm 1976 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: thôn Đông Lỗ, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang;

2. Anh Ngô Quốc Đạt – sinh năm 1992 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: thôn Cầu Trang, xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang;

3. Anh Nguyễn Văn Mạnh – sinh năm 1996 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: thôn Ngọc Liễn, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang;

4. Anh Nguyễn Văn Thắng – sinh năm 1997 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: thôn Ngọc Liễn, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang;

5. Anh Nguyễn Văn Cường – sinh năm 1995 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: thôn Ngọc Liễn, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang;

***Người làm chứng:**

1. Chị Nguyễn Thị Huệ - sinh năm 1983 (Có mặt);

2. Anh Nguyễn Văn Kỳ - sinh năm 1979 (Có mặt);

Cùng nơi cư trú: thôn Ngọc Liễn, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Dương Chí D – sinh năm 2001 và anh Phạm Văn T, sinh ngày 06/4/2003 ở thôn Đông Lỗ, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang quen biết nhau ngoài xã hội và có thuê trọ ở ngoài cùng nhau từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 7 năm 2019 tại khu công nghiệp Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Trong quá trình ở trọ cùng nhau D là người chi tiêu tiền ăn và tiền thuê nhà nên T có nợ lại D số tiền 2.250.000đ tiền thuê trọ và tiền ăn. Sau khi anh T không ở cùng D nữa, D đã nhiều lần xuống nhà anh T và bà Nguyễn Thị Liên là mẹ của anh T đã trả cho D được 1.250.000đ còn

1.000.000đ thì bà Liên và anh T không đồng ý trả cho D nữa vì cho rằng đã đóng đủ cho D rồi. Do vậy, D đã nhờ Nguyễn Bá N – sinh năm 1998 (là anh họ của D) đòi tiền T cho D và N đã đồng ý. Khoảng 17 giờ ngày 01/01/2020, N đi xe mô tô chở chị Nguyễn Thị Lành – sinh năm 2004 trên đường tỉnh lộ 295 đoạn thuộc thôn Cầu Trang, xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang thì gặp anh T một mình điều khiển xe mô tô Dream mang BKS 98D1 – 794.25 đi cùng chiều theo hướng Thị trấn Thắng đi cầu Đông Xuyên. Lúc này, N nói với anh T dừng xe lại để nói chuyện, khi anh T dừng xe thì N rút chìa khoá điện của xe anh T và N đã gọi điện cho Dương Chí D và nói “T đang ở đây có giữ xe không”, D nói “Giữ xe T lại, bao giờ có tiền thì trả xe”, D tắt điện thoại và nói với T “Mày phải trả tiền thằng D anh mới đưa chìa khoá xe cho”. Do anh T không có tiền nên D khoá cổ xe của anh T, đút chìa khoá vào túi quần và đe dọa “Bao giờ có một triệu trả tao thì tao mới đưa chìa khoá cho”. Anh T khóc lóc, van xin N trả xe nhưng N không trả xe mà đưa chị Lành về. Sau đó, N đi về xưởng mộc mà anh Nguyễn Văn Kỳ - sinh năm 1979 (vợ là chị Nguyễn Thị Huệ – sinh năm 1983) ở thôn Ngọc Liễn, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hoà để làm việc.

Sau khi bị N lấy chìa khoá xe, anh T dắt xe vào cổng nhà anh Ngô Quốc Đạt – sinh năm 1992 ở thôn Cầu Trang, xã Bắc Lý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, không thấy N lên trả chìa khoá cho anh T thì anh Đạt có gọi điện thoại cho N bảo N lên nhà anh Đạt để trả chìa khoá cho T về, trên đường đi về N gặp anh Nguyễn Văn Mạnh – sinh năm 1996 ở thôn Ngọc Liễn, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hoà. N rủ Mạnh đi cùng và bảo Mạnh là đi lấy tiền, Mạnh đồng ý. Khi đến nhà anh Đạt, Mạnh vào nhà nói chuyện với anh Đạt, N gọi anh T ra ngoài nói chuyện. Do anh T nói chưa có tiền trả nên N tiếp tục gọi điện cho D để T nói chuyện với D, T xin lấy xe về, hẹn mấy ngày nữa trả tiền nhưng D không đồng ý và nói với N là “Anh cứ giữ xe nó lại, khi nào có tiền thì trả xe”. Sau đó, N bảo Mạnh đi xe của T, N chở anh T đi xe của mình đến quán nước của chị Nguyễn Thị Phương – sinh năm 1984, ở thôn Ngọc Liễn, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hoà để nói chuyện. N để anh T và Mạnh ngồi ở quán và đi xe của T về nhà anh Kỳ cất giấu. Sau đó, N quay lại quán nước nói với anh T hẹn 02 ngày nữa phải trả tiền, nếu không sẽ mất xe. Anh T xin N trả xe nhưng N không đồng ý và bỏ về. Tại đây, anh T có nói chuyện với anh Mạnh về việc bị N giữ xe để đòi nợ và nhờ anh Mạnh lấy xe giúp, anh Mạnh đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày, anh T cùng anh Nguyễn Văn Thắng – sinh năm 1997 ở thôn Ngọc Liễn, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hoà đến nhà anh Kỳ gặp N để xin xe về nhưng N không đồng ý và nói bao giờ có tiền thì trả xe. Khoảng 11 giờ ngày 02/01/2020, anh Mạnh và anh Thắng đến nhà anh Kỳ để nói chuyện với N xin trả xe cho anh T, N không đồng ý và đi xuống nhà sau làm mộc. Lúc này, anh Mạnh vào dắt xe của anh T và nói với chị Huệ đây là xe N bắt nợ của anh T, anh T nhờ Mạnh lấy giúp. Anh Mạnh dắt xe ra cổng ngồi lên xe, anh Thắng đi xe mô tô phía sau đẩy xe cho Mạnh. Chị Huệ thấy vậy xuống nói với N về việc Mạnh mang xe đi, N lấy xe máy đuổi theo và bảo Mạnh vào

quán của chị Phương để nói chuyện. Tại đây, N vẫn không đồng ý trả xe cho anh T nên đã khoá cổ xe và mượn chị Phương 01 khoá dây để khoá bánh sau xe của anh T. N về và gọi điện cho D bảo D xuống lấy xe, sau đó N quay lại nhà chị Phương thì biết Mạnh đã mượn chị Phương chìa khoá để mở khoá dây và lấy xe đi. Thấy vậy, N gọi điện cho D bảo không cần lấy xe nữa. Tối ngày 06/01/2020, anh T nhắn tin cho D hẹn gặp trả số tiền 1.000.000đ. D nhắn tin cho N về việc T nhắn tin trả tiền xin lại xe nhưng giờ không còn xe thì làm như thế nào, N bảo “Cứ để đây anh khác lấy tiền cho”. Sau đó, N hẹn gặp anh T ở thôn Cầu Trang, xã Bắc Lý để lấy tiền. Trưa ngày 07/01/2020, N gặp anh T ở điểm hẹn anh T đưa cho N 1.000.000đ, N cầm và hẹn anh T đến cổng trường Hiệp Hoà 2 để lấy xe. Anh T đến điểm hẹn nhưng không thấy ai nên gọi điện cho N thì được N thông báo xe đã mất. Đến 12 giờ cùng ngày, N gọi điện thoại cho D đến thôn Cầu Trang, xã Bắc Lý và đã đưa cho D 1.000.000đ. D cầm tiền và chỉ tiêu cá nhân hết số tiền này.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo vẫn giữ nguyên về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Nguyễn bá N và Dương Chí D về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Bá N từ 12 tháng đến 14 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi những ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2020 đến ngày 17/02/2020.

Áp dụng: khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Dương Chí D từ 12 tháng đến 14 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo thời gian thử thách từ 24 đến 28 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Dương Chí D cho UBND xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang quản lý, giám sát bị cáo trong thời gian bị cáo thi hành án và chấp hành thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Liên (mẹ của anh T) là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô BKS 98D1 – 794.25 đã được CQĐT trả lại xe cho chị Liên, chị Liên đã nhận lại xe và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho chị khoản tiền gì. Bị cáo D và bị cáo N đã cùng nhau trả cho anh T do chị Liên làm đại diện số tiền là 1.000.000đ (Cụ thể bị cáo N là: 500.000đ và bị cáo D là 500.000đ)

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước:

- 01 điện thoại di động IPHONE 4 màu trắng có số IMEI: 012425003154668 của Nguyễn Bá N;

- 01 điện thoại di động OPPO màu trắng có số IMEI 1: 868346029926977 và số IMEI 2: 868346029926969 của Dương Chí D.

Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều khoản 2 Điều 136, 331, 332, 333, 334 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo Nguyễn Bá N và bị cáo Dương Chí D phải chịu án hình hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án về không gian, thời gian xảy ra vụ án. Điều đó có đủ căn cứ để kết luận bản Cáo trạng số 45/CT – VKSHH ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa truy tố các bị cáo Nguyễn Bá N và bị cáo Dương Chí D về tội “Chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 BLHS là đúng người, đúng tội không oan.

[3] Do trước đó anh Phạm Văn T có nợ của Dương Chí D số tiền là 2.250.000đ nhưng không có giấy tờ gì, D đã nhiều lần đến nhà T để đòi tiền và bà Nguyễn Thị Liên là mẹ của T đã trả cho D 1.250.000đ và không đồng ý trả cho D 1.000.000đ nữa vì bà Liên và anh T cho rằng đã trả đủ và không tiếp tục trả cho D nữa. D đã nhờ Nguyễn Bá N (Anh họ của D) đòi tiền cho D và N đã đồng ý. Khoảng 17 giờ ngày 01/01/2020, N đang đi xe mô tô đèo chị Nguyễn Thị Lành thì gặp T đang điều khiển xe mô tô mang BKS 98D1 – 794. 25 đi cùng chiều theo hướng Thị trấn Thắng đi cầu Đông Xuyên. Do T không có tiền nên N đã giữ xe của T và mang đi cất giữ mục đích buộc T phải trả tiền cho D. Mặc dù T đã nhờ một số người lấy xe mà N đang cất giấu cho mình nhưng N vẫn kiên quyết giữ chiếc xe của T. Khi anh T có tiền chủ động nhắn tin cho D xin chuộc lại xe, lúc này chiếc xe đã bị Mạnh mang đi gửi nhà anh Cường nên D và N đều không biết chiếc xe ở đâu nhưng vẫn đồng ý hẹn gặp T để lấy 1.000.000đ. Sau khi T giao tiền cho N mà anh T vẫn không lấy được xe vì N báo cho T biết chiếc xe đã bị mất. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Bá N và bị

cáo Dương Chí D bị VKSND huyện Hiệp Hòa truy tố về tội "Cưỡng đoạt tài sản" là có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của hai bị cáo Nguyễn Bá N và Dương Chí D là nguy hiểm cho xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, các bị cáo đã đe dọa và uy hiếp tinh thần của anh Phạm Văn T với mục đích là giữ chiếc xe mô tô BKS 98D1 - 794.25 của anh T đang đi để buộc anh T phải trả tiền nợ cho bị cáo D thì mới trả xe cho anh T. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét về mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị, HĐXX thấy là tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho các bị cáo, HĐXX cần phân tích đánh giá như sau:

Xét Về nhân thân: bị cáo N có nhân thân xấu vì trước đó bị cáo đã có hai tiền sự của Công an huyện Hiệp Hoà xử phạt bị cáo về hành vi đánh nhau.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào theo quy định tại Điều 52 BLHS.

Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Bá N và bị Cáo Dương Chí D đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và hai bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại bằng cách mỗi bị cáo trả cho anh T 500.000đ việc này đã được chị Nguyễn Thị Liên xác nhận và có đơn đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì thế, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cho hai bị cáo là có căn cứ. Bên cạnh đó, sau khi các bị cáo gây ra hành vi phạm tội của mình các bị cáo đã nhận thức được và đã đến CQĐT để đầu thú nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 cho hai bị cáo là có căn cứ.

Xét về vai trò và mức độ tham gia vụ án của hai bị cáo thì thấy: Hai bị cáo có vai trò ngang nhau. Xuất phát từ mối quan hệ họ hàng mà bị cáo N đã nhận lời đòi tiền của anh T giúp bị cáo D. Tuy nhiên, bị cáo đã có hành vi cưỡng đoạt tài sản của anh T bằng cách chặn xe và lấy chìa khoá xe của anh T. Khi anh T van xin bị cáo và có một số người nói giúp anh T để xin xe bị cáo vẫn kiên quyết không trả. Khi bị cáo Biết xe máy không còn bị cáo vẫn hẹn anh T là trả xe để lấy tiền của anh T. Bị cáo D không tham gia trực tiếp mà giao dịch với bị cáo N bằng điện thoại di động. Khi N gọi điện thông báo tình hình cho D thì bị cáo đã nhất quyết không cho N trả xe cho T khi T không có tiền, bị cáo còn đề nghị N phải giữ lại xe của T đến khi có tiền thì mới trả. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy các bị cáo còn trẻ và hành vi của các bị cáo cũng chỉ nhằm mục đích lấy lại tài sản mà theo các bị cáo là anh T phải có trách nhiệm trả cho bị cáo D mà thôi. Trong vụ án này, bị cáo N trước đó đã có hai tiền sự và tiền sự gần nhất là vào ngày 07/12/2019 bị cáo bị Công an huyện Hiệp Hoà xử phạt về hành vi đánh nhau nhưng đến ngày 01/01/2020 bị cáo lại tiếp tục vi phạm pháp luật. HĐXX xét thấy, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội là cần thiết. Với bị cáo D thì cần cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật là cho bị cáo được cải tạo tại địa phương và

ấn định thời gian thử thách cho bị cáo và giao cho UBND xã nơi cư trú của bị cáo giám sát bị cáo trong thời gian thử thách là đủ tính răn đe với bị cáo.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Chị Nguyễn Thị Liên là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo pháp luật của cháu T đã xác nhận chị đã nhận lại tài sản và số tiền các bị cáo đã cưỡng đoạt rồi. Tài sản không bị hư hỏng nên chị không yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường cho chị khoản tiền nào nữa. Vì vậy, HĐXX không xem xét giải quyết trách nhiệm dân sự đối với hai bị cáo là có căn cứ.

[6] **Về vật chứng:** Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước:

- 01 điện thoại di động IPHONE 4 màu trắng có số IMEI: 012425003154668 của Nguyễn Bá N;

- 01 điện thoại di động OPPO màu trắng có số IMEI 1: 868346029926977 và số IMEI 2: 868346029926969 của Dương Chí D.

[7] **Về án phí và quyền kháng cáo:** Áp dụng khoản 2 Điều 136, Điều 331, 332, 333, 334 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Bá N và bị cáo Dương Chí D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Bá N, bị cáo Dương Chí D phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản"

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Bá N 12 tháng tù giam, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi những ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2020 đến ngày 17/02/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Dương Chí D 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Dương Chí D cho UBND xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang quản lý, giám sát bị cáo trong thời gian bị cáo thi hành án và chấp hành thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước:

- 01 điện thoại di động IPHONE 4 màu trắng có số IMEI: 012425003154668 của Nguyễn Bá N;

- 01 điện thoại di động OPPO màu trắng có số IMEI 1: 868346029926977 và số IMEI 2: 868346029926969 của Dương Chí D.

Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136, Điều 331, 332, 333, 334 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Bá N phải chịu 200.000đ và bị cáo Dương Chí D phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Hiệp Hòa
- Cơ quan điều tra Hiệp Hòa
- Cơ quan THA hình sự Hiệp Hòa
- Chi cục THA DS huyện Hiệp Hòa
- Bị cáo

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HOÀNG THỊ HƯƠNG LAN

